

TAND THỊ XÃ T
TỈNH NGHỆ AN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự Do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2019/HSST

Ngày: 21/02/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ T

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có;

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phùng Thị Hương Giang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Ngô Sỹ Lượng

2. Ông: Cao Viết Mạo

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Thương - Thư ký
Toà án nhân dân thị xã T, tỉnh Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Ông
Hồ Văn Thái - Kiểm sát viên.

Ngày 21/02/2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 03/2019/TLST-HS ngày 21/01/2019 và theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2019/QĐXXST-HS ngày 11/02/2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Văn H**; Tên gọi khác: Không;

Sinh ngày: 12/4/1984 tại thị xã T, tỉnh Nghệ An; Giới tính: Nam; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Khối D, phường Q, thị xã T, tỉnh Nghệ An; Nghề nghiệp: Lái xe; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt nam; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 10/12; Con ông: Nguyễn Hữu D (đã chết) và con bà Hoàng Thị S, sinh năm 1942; Trú tại: Khối D, phường Q, thị xã T, tỉnh Nghệ An; Anh chị em ruột: có 08 người, bị cáo là con thứ tám; Vợ, Phạm Thị H, sinh năm 1990; Nghề nghiệp: Lao động tự do và có 01 con, sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Chưa. Nhân thân: Năm 2002 bị đưa vào cơ sở giáo dục với thời hạn 24 tháng theo Quyết định số 3079 ngày 28/8/2002 của UBND tỉnh Nghệ An (tại trại giam Xuân Hà). Chấp hành xong hình phạt ngày 28/6/2004 và tại bản án số 86 ngày 23/10/2007 bị Tòa án nhân dân huyện N xử phạt 7 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Chấp hành xong hình phạt ngày 06/01/2013.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 28/11/2018 cho đến nay - có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại:

- Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1987

Trú tại: Xóm T, xã N, thị xã T, tỉnh Nghệ An (vắng mặt có lý do);

Người chứng kiến:

- Anh Hoàng Văn T, sinh năm 1972

Trú tại: Xóm P, xã T, thị xã T, tỉnh Nghệ An (vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 01 giờ 45 phút ngày 12/10/2018, bị cáo Nguyễn Văn H đi chăm sóc người thân tại phòng số 6, khoa sản, bệnh viện Đa khoa khu vực Tây Bắc Nghệ An thuộc xóm 9, xã N, thị xã T, tỉnh Nghệ An. Tại đây H phát hiện có một chiếc ví màu xanh của chị Nguyễn Thị H (là người nhà của bệnh nhân ở chung phòng với Hậu) đang để trên giường. Quan sát thấy chị H và mọi người trong phòng đã ngủ say bị cáo nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc ví và tài sản trong ví của chị H. Bị cáo lén lút đi đến giường chị H đang nằm ngủ cầm chiếc ví nhét vào trong bụng của mình, che áo lại và đi vào khu vực vệ sinh nam của bệnh viện mở ví ra thì thấy bên trong có nhiều tờ tiền mệnh giá khác nhau cùng 02 chiếc nhẫn màu vàng và một số giấy tờ khác. Bị cáo lấy số tiền trong ví và nhét vào túi quần bò của mình và ý định đi vào phòng để ví, nhẫn và giấy tờ lại chỗ cũ. Tuy nhiên, khi đi vào phòng thấy chị H nằm ngủ thay đổi tư thế, sợ bị phát hiện nên bị cáo không dám để ví lại vị trí cũ. Bị cáo lấy một đoạn giấy vệ sinh rồi quay lại phòng vệ sinh quấn tròn số tiền vừa trộm cắp được bỏ vào trong vỏ bao thuốc lá Thăng Long và cất dấu vào trong túi quần của mình, còn chiếc ví, nhẫn màu vàng và các giấy tờ khác bị cáo cất dấu vào một khe nứt của vách trần nhà vệ sinh. Sau khi đã thu dấu xong, bị cáo quay lại phòng và đi ngủ. Đến khoảng 7 giờ cũng ngày bị cáo rời khỏi bệnh viện và đi về nhà mình cất dấu số tiền trộm cắp của chị H vào trong một cái chậu trồng cây cảnh của nhà bị cáo.

Đến 14 giờ cùng ngày Công an thị xã T đã triệu tập bị cáo lên Trụ sở Công an thị xã T làm việc. Tại cơ quan điều tra bị cáo khai nhận đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của chị H và tự nguyện giao nộp số tiền 4.000.000đồng (bốn triệu đồng), trong đó có 04 tờ tiền mệnh giá 500.000đồng; 10 tờ tiền mệnh giá 200.000đồng; một chiếc ví da màu xanh, bên trong ví có 02 chiếc nhẫn màu vàng, phía trên bề mặt nhẫn có gắn mặt đá nhỏ vát cạnh không màu và một số giấy tờ tùy thân khác mà bị cáo chiếm đoạt của chị H.

Căn cứ kết luận giám định số 345 ngày 26/10/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nghệ An kết luận: Số tiền 4.000.000đồng mà bị cáo chiếm đoạt của chị H là tiền thật do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phát hành.

Căn cứ kết luận giám định số 5845 ngày 02/11/2018 của Viện khoa học hình sự Bộ công an kết luận:

- 01 (một) chiếc nhẫn hình tròn bằng kim loại, có gắn 01 viên đá không màu (ký hiệu A1), khối lượng 1,45gam (tính cả khối lượng đá) là hợp kim vàng (Au), bạc (Ag), đồng (Cu), kẽm (Zn); hàm lượng Vàng: 44,41%; Bạc: 6,06%; Đồng: 39,64%; Kẽm: 9,89%.

- 01 (một) chiếc nhẫn hình tròn bằng kim loại, có gắn 01 viên đá không màu (ký hiệu A2), khối lượng 1,14gam (tính cả khối lượng đá) là hợp kim vàng (Au); bạc (Ag), đồng (Cu), kẽm (Zn); Hàm lượng Vàng: 46,68%; Bạc: 5,02%; Đồng: 38,17%; Kẽm: 10,13%.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 13 ngày 19/11/2018 của Hội đồng định giá tài sản UBND thị xã T kết luận:

- 01 (một) chiếc ví da màu xanh nhãn hiệu Rrada, kích thước (10x20)cm đã qua sử dụng trị giá 70.000đồng (bảy mươi nghìn đồng).

- 01 (một) chiếc nhẫn hình tròn bằng kim loại màu vàng, có gắn 01 viên đá không màu, đường kính 02cm, khối lượng 1,45gam có trị giá 530.000đồng (năm trăm ba mươi nghìn đồng).

- 01 (một) chiếc nhẫn hình tròn bằng kim loại màu vàng, có gắn 01 viên đá không màu, đường kính 1,5cm, khối lượng 1,14gam có trị giá 420.000đồng (bốn trăm hai mươi nghìn đồng).

Như vậy, tổng giá trị mà bị cáo chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị H là 5.020.000đồng (năm triệu, không trăm hai mươi nghìn đồng).

Vật chứng vụ án:

- Thu giữ 01 (một) chiếc ví da màu xanh nhãn hiệu Rrada, kích thước (10x20)cm đã qua sử dụng.

- Số tiền 4.000.000đồng (bốn triệu đồng), trong đó có 04 tờ tiền mệnh giá 500.000đồng; 10 tờ tiền mệnh giá 200.000đồng.

- 01 (một) chiếc nhẫn hình tròn bằng kim loại màu vàng, có gắn 01 viên đá không màu, đường kính 02cm, khối lượng 1,45gam.

- 01 (một) chiếc nhẫn hình tròn bằng kim loại màu vàng, có gắn 01 viên đá không màu, đường kính 1,5cm, khối lượng 1,14gam.

Quá trình điều tra xác định đây là tài sản hợp pháp của chị Nguyễn Thị H nên cơ quan CSĐT đã trả lại toàn bộ cho chị H.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản đầy đủ, nguyên vẹn nên không có yêu cầu gì.

Cáo trạng số 07/CT-VKS ngày 20/01/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã T đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn H về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị: Áp dụng khoản 1, 5 điều 173; điểm s khoản 1 điều 51; điều 38 Bộ luật hình sự tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản”; xử phạt bị cáo mức án tù 12 tháng tù đến 15 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Về vật chứng: Thu giữ 01 (một) chiếc ví da màu xanh nhãn hiệu Rrada đã qua sử dụng; số tiền 4.000.000đồng (bốn triệu đồng); 01 (một) chiếc nhẫn hình tròn bằng kim loại màu vàng, có gắn 01 viên đá không màu và 01 (một) chiếc nhẫn hình tròn bằng kim loại màu vàng, có gắn 01 viên đá không màu, khối lượng 1,14gam. Quá trình điều tra đã xác định của người bị hại chị Nguyễn Thị H nên cơ quan CSĐT đã trả lại cho người bị hại, nên không xem xét.

Về trách nhiệm dân sự: Do người bị hại đã nhận lại tài sản đầy đủ, nguyên vẹn, nên không có yêu cầu bị cáo đối với bị cáo, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thức được hành của mình là vi phạm pháp luật, mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã T, tỉnh Nghệ An, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thị xã T; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như quá trình điều tra và nội dung bản cáo trạng mà Viện kiểm sát truy tố, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ như đơn trình báo của người bị hại, biên bản tạm giữ đồ vật tài liệu, lời khai của bị cáo, người bị hại, người chứng kiến; kết luận giám định..., được xem xét và thẩm tra tại phiên tòa. Vì vậy có đủ cơ sở để khẳng định: Vào khoảng 01 giờ 45 phút ngày 12/10/2018, tại phòng số 6, khoa sản, bệnh viện Đa khoa khu vực Tây Bắc Nghệ An thuộc xóm 9, xã N, thị xã T. Lợi dụng sơ hở mất cảnh giác của chủ sở hữu tài sản chị Nguyễn Thị H, bị cáo Nguyễn Văn H đã lén lút chiếm đoạt của chị H một chiếc ví da, có trị giá 70.000đồng (bảy mươi nghìn đồng), cùng với số tiền 4.000.000đồng (bốn triệu đồng) và 02 (hai) chiếc nhẫn vàng, bên trên mặt nhẫn có gắn mặt đá nhỏ vát cạnh,

có trị giá 950.000đồng (chín trăm năm mươi nghìn đồng). Tổng trị giá tài sản mà bị cáo chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị H là 5.020.000đồng (năm triệu, không trăm hai mươi nghìn đồng). Mục đích trộm cắp tài sản của bị cáo là để tiêu xài cá nhân. Hội đồng xét xử thấy hành vi phạm tội của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại khoản 1 điều 173 của Bộ luật hình sự quy định:

“Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng..., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

...”

Vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã T đã truy tố bị cáo là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Xét tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng đến trật tự trị an trên địa bàn, gây bất bình lo sợ trong quần chúng nhân dân. Bị cáo nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng một mức hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị để cải tạo giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung.

Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi phạm tội mà mình gây ra. Tuy nhiên khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử cũng xem xét đến nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối bị cáo. Căn cứ vào hồ sơ tài liệu của vụ án và tại phiên tòa thấy rằng bị cáo có nhân thân xấu: Năm 2002 bị đưa vào cơ sở giáo dục với thời hạn 24 tháng theo Quyết định số 3079 ngày 28/8/2002 của UBND tỉnh Nghệ An (tại trại giam Xuân Hà). Chấp hành xong hình phạt ngày 28/6/2004 và tại bản án số 86 ngày 23/10/2007 bị Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Nghệ An xử phạt 7 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 06/01/2013. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Xét thấy sau khi chấp hành hình phạt tù trở về địa phương sinh sống, bị cáo không chấp hành tốt chủ trương đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước, mà vẫn tiếp tục phạm tội, nên việc cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian là điều cần thiết.

Hình phạt bổ sung: Theo biên bản xác minh nguồn thu nhập của bị cáo thấy rằng, bị cáo làm nghề lái xe thu nhập chỉ nuôi đủ bản thân, nên áp dụng khoản 5 Điều 173 miễn hình phạt tiền cho bị cáo.

Về vật chứng của vụ án:

Thu giữ 01 (một) chiếc ví da màu xanh nhãn hiệu Rrada, kích thước (10x20)cm đã qua sử dụng; số tiền 4.000.000đồng (bốn triệu đồng), trong đó có 04 tờ tiền mệnh giá 500.000đồng; 10 tờ tiền mệnh giá 200.000đồng; 01 (một) chiếc nhẫn hình tròn bằng kim loại màu vàng, có gắn 01 viên đá không màu, đường kính 02cm, khối lượng 1,45gam và 01 (một) chiếc nhẫn hình tròn bằng kim loại màu vàng, có gắn 01 viên đá không màu, đường kính 1,5cm, khối lượng 1,14gam. Quá trình điều tra đã xác định được tài sản trên của chị Nguyễn Thị H nên cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã T đã trả lại đầy đủ cho người bị hại là đúng quy định về xử lý vật chứng.

Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên tòa người bị hại vắng mặt có lý do (có đơn xin xét xử vắng mặt). Căn cứ vào lời khai trong quá trình điều tra cũng như đơn xin xét xử vắng mặt người bị hại chị Nguyễn Thị H, sau khi bị cáo chiếm đoạt tài sản nay chị H đã được nhận lại đầy đủ và nguyên vẹn nên chị H không yêu cầu gì về phần bồi thường. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1, 5 điều 173; điểm s khoản 1 điều 51; điều 38 của Bộ luật hình sự:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 28/11/2018. Miễn hình phạt tiền đối với bị cáo.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo H phải chịu 200.000VNĐ án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An. Người bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án đọc niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Bị cáo; Người bị hại;
- TAND Tỉnh Nghệ An;
- VKSND; Công an TX T;
- Thi hành án Dân sự TX T;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phùng Thị Hương Giang